

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55/2025/DS-PT**

Ngày 19/8/2025.

V/v: tranh chấp đòi lại di sản, chia di sản thừa kế và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán:

ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Đinh Phước Hoà**

- Thư ký phiên tòa: bà **Lữ Thị Hằng**, Thẩm tra viên chính Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp đòi lại di sản, chia di sản thừa kế và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 418/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Phan Như N** - sinh năm 1956. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông **Phan Như T1** - sinh năm 1983 và bà **Nguyễn Thị T2** - sinh năm 1960 (các văn bản ủy quyền ngày 13/5/2021 và ngày 16/8/2023).

Cùng địa chỉ: **thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng)**. Ông **T1**, bà **T2** có mặt.

2. Bị đơn: bà **Nguyễn Thị Thu T3** - sinh năm 1970.

Địa chỉ: **thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng)**. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông **Nguyễn Văn H** - Luật sư của **Công ty L5**. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Phan Như L** - sinh năm 1958;

- 3.2. Bà **Nguyễn Thị T2** - sinh năm 1956;
- 3.3. Ông **Phan Như Đ** (Đại Em) - sinh năm 1968;
- 3.4. Bà **Phan Thị Thu T4** - sinh năm 1972;
- 3.5. Bà **Phan Thị B** - sinh năm 1961;
- 3.6. Bà **Đinh Thị L1** - sinh năm 1972;
- 3.7. Ông **Phan Như Hải Q** - sinh năm 1994;
- 3.8. Ông **Phan Như V** - sinh năm 1995;
- 3.9. Bà **Phan Thị Thu L2** - sinh năm 1995;
- 3.10. Bà **Phan Thị Thu L3** - sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: **thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng). Ông L, ông Đ, bà T4, bà B, ông Q, ông V, bà L2, bà L3 đều vắng mặt. Bà T2, bà L1 có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông **Phan Như Hải Q**: bà **Đinh Thị L1** (văn bản ủy quyền ngày 17/3/2025). Có mặt.

- 3.11. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đà Nẵng.

- Người đại diện theo pháp luật: ông **Huỳnh Văn C**; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông **Phan Như N** trình bày:

Diện tích đất 268,2m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18 (thửa 190, tờ bản đồ số 13) tại **thôn L, xã T, huyện N** là tài sản của cha, mẹ ông là ông **Phan G** (chết năm 1979) và bà **Trần Thị M** (chết năm 1989) để lại. Trước khi chết, cha, mẹ ông không để lại di chúc. Ông G, bà M có 07 người con, gồm: **Phan Như N, Phan Như L, Phan Như Đ** (Đ, chết, có vợ là **Đinh Thị L1**, con là **Phan Như Hải Q**), **Phan Như Đ** (Đ), **Phan Thị Thu T4, Phan Thị B, Phan Như Ý** (chết, có vợ là **Nguyễn Thị Thu T3**, các con là **Phan Như V, Phan Thị Thu L2, Phan Thị Thu L3**). Sau khi cha, mẹ chết, các anh, chị, em trong gia đình thống nhất giao cho ông **Phan Như Ý** làm nhà ở tạm từ năm 1993, sau này sẽ làm nhà thờ cho cha, mẹ, ông bà. Thời gian sau, xảy ra vụ kiện với ông **Phan Hữu T5**, lúc này anh, em trong gia đình (trong đó có vợ ông Ý là bà **Nguyễn Thị Thu T3**) có thỏa thuận giao cho bà **T3** tiếp tục sử dụng, sau khi kết thúc vụ kiện sẽ tính chia tài sản chung của anh, em. Trong bản án giải quyết vụ kiện với ông **T5**, bà **T3** đã cam kết đây là tài sản của ông **G**, bà **M** để lại cho các anh, chị, em, nếu sau này Tòa án xác định là tài sản của ông **G** thì sẽ thôi trả tiền lại cho anh, em để làm nhà thờ. Năm 2016, bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định diện tích đất trên của ông **G**, bà **M**; anh, chị, em trong gia đình yêu cầu bà **T3** thôi trả tiền nhưng bà **T3** không đồng ý mà còn lập thủ tục để cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất này. Ông yêu cầu chia diện tích đất này cho 07 anh em, trong đó phần của ông **Đ** (Đại A) sẽ do vợ, con ông **Đ** là bà **L1** và ông **Q** nhận, phần của ông **Ý** sẽ do bà **T3** và các con là **V, L2, L3** nhận. Ông và bà **L1** yêu cầu được nhận giá trị tài sản, giao thửa đất trên cho bà **T3** tiếp tục quản lý, sử dụng; buộc bà **T3** thôi trả tiền lại cho các anh, em còn lại. Hiện toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng bà **T3**, ông không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất. Ông tự

nguyên rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của 07 anh chị em là 15 cây dừa trị giá 15.000.000đồng.

Ngoài ra, do cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T3 nên ông yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 729855 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 07/6/2022 cho bà Nguyễn Thị Thu T3 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, diện tích 268,2m² tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T3 trình bày:*

Chồng bà là ông Phan Như Ý (chết năm 2016); vợ, chồng bà kết hôn năm 1992 và có 04 người con là: Phan Như H1 (chết năm 2013, chưa có vợ con), Phan Như V, Phan Thị Thu L2 và Phan Thị Thu L3.

Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là do ông Phan Như N1 quản lý, sử dụng, sau đó đất bỏ trống nên từ năm 1993 vợ, chồng bà sử dụng và làm nhà, hiện nay trên diện tích đất tranh chấp có tài sản của vợ, chồng bà. Bà cho rằng vợ, chồng bà không có khai hoang hay nhận chuyển nhượng, được tặng cho đất này. Khi vợ, chồng bà làm nhà trên đất thì không có ai khiếu nại, khiếu kiện gì. Quá trình bà thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh, em trong gia đình chồng bà không có văn bản đồng ý gì, họ cũng không khiếu nại, khởi kiện về việc này. Trường hợp Tòa án xem xét chia tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn thì bà đề nghị được nhận phần đất tranh chấp và đề nghị tính công sức tôn tạo, giữ gìn tài sản theo quy định pháp luật, riêng phần đất tăng thêm, bà không đồng ý chia.

Bà T3 cho rằng, trong quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp và trong vụ án tranh chấp thừa kế trước đây, bà không thỏa thuận xác định đất tranh chấp là tài sản chung, diện tích đất tranh chấp không nằm trong phần di sản thừa kế của phía nguyên đơn. Bà yêu cầu áp dụng thời hiệu chia di sản thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đinh Thị L1 thống nhất với quan điểm trình bày của nguyên đơn.

- Ông Phan Như L, bà Phan Thị Thu T4 thống nhất trình bày: nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trước năm 1975 là của cha, mẹ là ông Phan G và bà Trần Thị M. Sau đó, do các anh, em trong gia đình đều có nhà ở riêng nên thống nhất cho phần đất hiện tranh chấp giao ông Phan Như Ý làm nhà ở từ năm 1993 đến nay, hiện nay phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận cho bà T3. Ông, bà thống nhất giao phần đất này cho vợ chồng ông Ý, không đề nghị phân chia theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Phan Như Đ (Đ) trình bày: nguồn gốc đất tranh chấp là do cha, mẹ ông để lại, các anh, em có hợp bàn giao cho vợ, chồng ông Ý làm nhà ở. Vợ, chồng ông Ý có hứa khi nào làm nhà thờ cho cha, mẹ thì sẽ đưa tiền để làm nhà thờ nên các anh, chị, em trong gia đình thống nhất để vợ, chồng ông Ý làm nhà ở.

- Bà Phan Thị Thu L2 trình bày: nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cha, mẹ bà là ông Phan Như Ý và bà Nguyễn Thị Thu T3. Hiện nay thửa đất này các chị, em bà đã giao cho mẹ bà toàn quyền quản lý, sử dụng và không còn liên quan đến thửa đất này.

- Ông Phan Như Hải Q cho rằng: ông không biết rõ về nguồn gốc đất tranh chấp, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân huyện N cho rằng: việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho bà **T3** tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, diện tích 268,2m² là trên cơ sở Bản án dân sự phúc thẩm số 36/2016/DS-PT ngày 15/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) đã quyết định:**

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 39, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng Hành chính; các Điều 149, 153, 156, 609, 611, 612, 618, 620, 623, 649, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Như N** về việc đòi lại di sản, chia di sản thừa kế đối với 15 cây dừa của ông **Phan G**, bà **Trần Thị M** để lại. Quyền khởi kiện lại của các đương sự đối với yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ được đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Như N** về việc đòi lại di sản, chia di sản thừa kế của ông **Phan G**, bà **Trần Thị M** để lại đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 8, diện tích 268,2 m², tại xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam**. Xác định giá trị di sản là 970.884.000đồng (chín trăm bảy mươi triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn đồng); xác định ông **Phan Như Ý**, bà **Nguyễn Thị Thu T3** nhận công tôn tạo, quản lý di sản là 291.265.200đồng (hai trăm chín mươi một triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm đồng).

3. Chia di sản thừa kế của ông **Phan G**, bà **Trần Thị M** để lại theo pháp luật. Giao bà **Nguyễn Thị Thu T3** quản lý, sử dụng, đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, diện tích 268,2m², tại xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Thu T3** bồi trả cho các ông bà **Phan Như N**, **Phan Như L**, **Phan Thị Thu T4**, **Phan Thị B**, **Phan Như Đ** (Đ) mỗi người 97.088.400đồng (chín mươi bảy triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm đồng), bồi trả cho các ông, bà **Đình Thị L1**, **Phan Như Hải Q**, mỗi người 48.544.200đồng (bốn mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm đồng).

4. Không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam** cấp cho bà **Nguyễn Thị Thu T3** ngày 07/6/2022 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, tại xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam**.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2025, bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T3** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông **Phan Như N** là ông **Phan Như T1** và bà **Nguyễn Thị T2** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T3** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Luật sư **Phan Văn H2** đề nghị Hội đồng xét xử cho rằng tranh chấp này đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử

huỷ, đình chỉ giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T3**, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 24/4/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T3**, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: trong vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế giữa ông **Phan Hữu T5** với ông **Phan Như N**, ông **Phan Như L**, ông **Phan Như Ý** thì bà **Nguyễn Thị Thu T3** trình bày rằng: “Diện tích đất 200m² có nhà của vợ, chồng tôi đang ở là của ông **Phan G** mua của người khác, sau khi cha tôi mất các anh, em thống nhất để lại diện tích đất này cho vợ, chồng tôi làm nhà ở... nếu đất của ông **G** thì tôi trả tiền cho ông **G**, đất của ông **T6** thì tôi sẽ trả tiền cho ông **T6**”. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 36/2016/DS - PT ngày 15/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định: “... các lời khai của các đương sự và người làm chứng trong vụ án đã thể hiện diện tích đất 244,756m² hiện hộ ông **Phan Như Ý**, bà **Nguyễn Thị Thu T3** đang ở có nguồn gốc của gia đình ông **Phan T6**... ông **Phan G** là người mua và quản lý sử dụng...từ trước năm 1975 cho đến khi ông **G** chết thì đất này được giao cho ông **Ý**, bà **T3** quản lý sử dụng... nên chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Thu T3**, sửa Bản án sơ thẩm...”. Ngoài ra, tại đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện về thừa kế, bà **T3** cũng trình bày rằng vợ, chồng bà sử dụng thửa đất của cha, mẹ chồng để lại xây dựng nhà ở từ năm 1993. So với diện tích đất tại thời điểm giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của ông **Phan Hữu T5** thì diện tích đất hiện nay tăng lên 23,44m² là do sai số khi đo đạc, tứ cận đất không thay đổi. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: thửa đất số 190, tờ bản đồ số 13, nay là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, diện tích 268,2m² tại **thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng)** là di sản thừa kế của ông **Phan G** và bà **Trần Thị M** để lại chưa chia. Bà **T3** kháng cáo cho rằng diện tích đất tranh chấp 268,2m² không phải là di sản thừa kế của ông **Phan G**, bà **Trần Thị M** để lại, là không thể chấp nhận.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: các bên đương sự xác nhận ông **G** chết năm 1979, bà **M** chết năm 1989, không để lại di chúc. Bị đơn bà **T3** yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu chia di sản thừa kế thì thấy rằng: thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông **G**, bà **M** để lại theo quy định của pháp luật là 30 năm kể từ ngày 10 tháng 9 năm 1990. Ngày 06/12/2021, ông **N** làm đơn khởi kiện thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản theo yêu cầu khởi kiện của ông **Phan Hữu T5** có liên quan đến diện tích đất tranh chấp 268,2m² là di sản của ông **G**, bà **M** để lại nên thời gian từ ngày 31/10/2013 (ngày thụ lý) đến ngày 15/6/2016 (ngày ban hành Bản án dân sự phúc thẩm số 36/2016/DS - PT) được xác định là khoảng thời gian trở ngại khách quan làm cho ông **N** không thể khởi kiện được. Do đó, khoảng thời gian này (02 năm 7 tháng 15 ngày) không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 153, 156

của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc nguyên đơn ông **N** khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông **G**, bà **M** là đảm bảo còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về hàng thừa kế: các bên đương sự đều thừa nhận ông **G** và bà **M** có 07 người con, gồm các ông, bà: **Phan Như N**, **Phan Như L**, **Phan Như Đ** (Đại Anh; chết sau ông **G**, bà **M**, có vợ: **Đinh Thị L1** và có con: **Phan Như Hải Q**), **Phan Như Đ** (Đ), **Phan Thị Thu T4**, **Phan Thị B**, Phan Như Ý (chết năm 2016, có vợ: **Nguyễn Thị Thu T3** và có các con: **Phan Như V**, **Phan Thị Thu L2**, **Phan Thị Thu L3**). Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi nào khác.

[1.4] Về phân chia di sản thừa kế: theo kết quả định giá thì di sản thừa kế của ông **G** và bà **M** để lại là diện tích 268,2m² đất có giá trị 970.884.000đồng. Toà án cấp sơ thẩm tính công tôn tạo, quản lý di sản của ông **Ý** và bà **T3** 30%, trị giá: 291.265.200đồng là phù hợp. Như vậy, giá trị di sản của ông **G**, bà **M** còn lại là 679.618.800đồng, chia cho 07 phần, mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 97.088.400đồng. Nguyên đơn ông **Phan Như N** và các đương sự khác không yêu cầu chia đất, đề nghị nhận giá trị bằng tiền. Riêng ông **L**, bà **T4**, bà **L2** không yêu cầu phân chia di sản nhưng không lập thủ tục từ chối nhận di sản theo quy định của pháp luật nên Toà án cấp sơ thẩm phân chia di sản cho những người này là đúng. Sau khi nhận kỷ phần thừa kế, các ông, bà nêu trên có quyền tặng cho kỷ phần thừa kế cho bà **T3** và các con ông **Ý** hoặc có quyền không yêu cầu thi hành án.

[1.5] Xét thực tế sử dụng đất thì thấy: hiện trên đất có nhà ở của vợ, chồng bà **T3**. Các con của bà **T3** đã lập thủ tục chuyển quyền thừa kế của ông **Ý** cho bà **T3** đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà **T3** khẳng định bà nhận toàn bộ tài sản thuộc di sản của ông **Ý** để lại (nếu có) và sẽ chịu toàn bộ các nghĩa vụ có liên quan. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18 cho bà **T3** quản lý, sử dụng, đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời buộc bà **T3** có trách nhiệm bồi trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các ông, bà: **Phan Như N**, **Phan Như L**, **Phan Thị Thu T4**, **Phan Thị B**, **Phan Như Đ** (Đại Em) - mỗi người 97.088.400đồng; bồi trả cho các ông bà **Đinh Thị L1**, **Phan Như Hải Q** - mỗi người 48.544.200đồng là đúng quy định của pháp luật. Bà **T3** được nhận kỷ phần thừa kế của ông **Ý** để lại và công tôn tạo, quản lý di sản của ông **Ý** và bà **T3**, tổng cộng: 388.353.600đồng.

[2] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 729855 ngày 07/6/2022, thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, diện tích tại thôn **L**, xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam** (nay là xã **T**, thành phố **Đà Nẵng**) do Ủy ban nhân dân huyện **N** cấp cho bà **Nguyễn Thị Thu T3**. Hội đồng xét xử thấy: theo Bản án dân sự phúc thẩm số 36/2016/DS - PT ngày 15/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh **Quảng Nam** đã công nhận diện tích 268,2m² đất là di sản thừa kế do ông **G** và bà **M** để lại cho các đồng thừa kế được quyền sử dụng. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện **N** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất này cho riêng bà **T3** là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người hưởng thừa kế của ông **G**, bà **M**. Tuy nhiên, xét cần giao toàn bộ thửa đất này cho bà **T3** tiếp tục quản lý, sử dụng nên không cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện về chia di sản thừa kế là 15 cây dừa, trị giá 15.000.000đồng, nguyên đơn ông **N** rút yêu cầu khởi kiện nên Toà án cấp sơ thẩm

đã đình chỉ xét xử.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Như N** về việc đòi lại di sản, chia di sản thừa kế của ông **Phan G** và bà **Trần Thị M** để lại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T3** cũng như lời bảo vệ của Luật sư; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: do nội dung kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Thu T3** không được chấp nhận nên bà **T3** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T3**; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 24/4/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

Áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng Hành chính; các Điều 149, 153, 156, 609, 611, 612, 618, 620, 623, 649, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Như N** về việc đòi lại di sản, chia di sản thừa kế đối với 15 cây dừa của ông **Phan G**, bà **Trần Thị M** để lại. Quyền khởi kiện lại của các đương sự đối với yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ được đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Như N** về việc đòi lại di sản, chia di sản thừa kế của ông **Phan G**, bà **Trần Thị M** để lại đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 8, diện tích 268,2m², tại xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam** (nay là xã **T**, thành phố **Đà Nẵng**). Xác định giá trị di sản là 970.884.000đồng (chín trăm bảy mươi triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Ông **Phan Như Ý**, bà **Nguyễn Thị Thu T3** nhận công tôn tạo, quản lý di sản: 291.265.200đồng (hai trăm chín mươi một triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm đồng).

3. Chia di sản thừa kế của ông **Phan G**, bà **Trần Thị M** để lại theo pháp luật. Giao bà **Nguyễn Thị Thu T3** được quản lý, sử dụng, đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, diện tích 268,2m², tại xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam** (nay là xã **T**, thành phố **Đà Nẵng**).

Buộc bà **Nguyễn Thị Thu T3** có trách nhiệm bồi trả cho các ông, bà: **Phan Như N**, **Phan Như L**, **Phan Thị Thu T4**, **Phan Thị B**, **Phan Như Đ (Đ)** - mỗi người

97.088.400đồng (chín mươi bảy triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm đồng); thối trả cho bà **Đinh Thị L1**, ông **Phan Như Hải Q** - mỗi người 48.544.200đồng (bốn mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Như N** về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của **Ủy ban nhân dân huyện N**, tỉnh Quảng Nam cấp cho bà **Nguyễn Thị Thu T3** ngày 07/6/2022 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, tại **xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

5. Về án phí phúc thẩm: bà **Nguyễn Thị Thu T3** phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000379 ngày 05/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**).

6. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND Tp. Đà Nẵng;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- THA dân sự Tp. Đà Nẵng;
- Đương sự; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên